

Số: 2865159

|                                            | Kia Sportage 1.6 Turbo<br>Signature (X-Line) (Tùy chọn<br>màu nội thất) | New Mazda CX-8 2.5 Premium |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.029.000.000đ</b>                                                   | <b>1.019.000.000đ</b>      |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                                         |                            |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4660 x 1865 x 1700                                                      | 4900 x 1840 x 1730         |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2755                                                                    | 2930                       |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5890                                                                    | 5800                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                                                                     | 200                        |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1660                                                                    | 1770                       |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2110                                                                    | 2365                       |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 543                                                                     | 209                        |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 54                                                                      | 72                         |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                                                       | 7                          |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                                        | SX-LR trong nước           |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                                         |                            |
| Loại động cơ                               | Xăng 1.6 Turbo                                                          | SkyActiv-G 2.5L            |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1598                                                                    | 2488                       |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 178 / 5500                                                              | 188 / 6000                 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 265 / 1500-4500                                                         | 252 / 4000                 |
| Hộp số                                     | 7DCT                                                                    | 6AT                        |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                                                             | Cầu trước (FWD)            |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                                                              | Độc lập Mc Pherson         |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                                        | Liên kết đa điểm           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                                                     | Đĩa                        |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                                                     | Đĩa                        |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                                                              | 225/55 R19                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9.36                                                                    | 12.91                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.87                                                                    | 6.73                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7.79                                                                    | 8.75                       |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport / Smart                                            | Normal / Sport             |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                                         |                            |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                                           | LED Projector              |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                                                       | ●                          |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                                                       | ●                          |
| Đèn sương mù                               | LED                                                                     |                            |
| Cụm đèn sau                                | LED                                                                     | LED                        |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                                                       | ● (Sấy gương)              |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                                                       | ●                          |
| Cửa sổ trời                                | ●                                                                       | ●                          |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                                         |                            |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                                                       | ●                          |
| Chất liệu ghế                              | Da                                                                      | Da Nappa Nâu Đỏ            |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                                                       | ●                          |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                                                       | ●                          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                                                       |                            |

|                                          |                                            |                          |
|------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện     | ●                                          | ●                        |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát      | ●                                          |                          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ●                                          | ● (Vô lăng + Hàng ghế 2) |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●                                          | ●                        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | Full-LCD 12.3"                             | Analog & Digital 7"      |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 12.3"                                  | 8"                       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●                                          | ● (Không dây)            |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●                                          | ●                        |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2                                          | 3                        |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●                                          | ●                        |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                          | ●                        |
| Khởi động nút bấm                        | ●                                          | ●                        |
| Khởi động từ xa                          | ●                                          |                          |
| Hệ thống âm thanh                        | 8 loa                                      | 10 loa Bose              |
| Lấy chuyển số                            | ●                                          |                          |
| Sạc không dây Qi                         | ●                                          | ●                        |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●                                          | ●                        |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●                                          | ●                        |
| Đèn trang trí nội thất                   | ●                                          |                          |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | ●                                          | ●                        |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |                                            |                          |
| Số túi khí                               | 6                                          | 6                        |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA        | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS     | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                          | ●                        |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                          | ●                        |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                | Trước/Sau                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) | ●                        |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường         | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                          | ●                        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                          | ● (Trước và sau)         |
| Hệ thống điều khiển hành trình           | ●                                          |                          |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                          | ● (MRCC - Stop & Go)     |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                          | ●                        |
| Camera lùi                               | ●(Tích hợp camera 360)                     | ● (Camera 360)           |